

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/DS-PT

Ngày 12-11-2021

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu
cầu tháo dỡ, di dời tài sản trên đất; yêu
cầu hủy GCNQSDĐ.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy;

Các Thẩm phán: Bà Chu Lệ Hường;

Ông Lộc Sơn Thái;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Đăng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Bà Hoàng Thanh Huyền, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2021/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2021 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu tháo dỡ, di dời tài sản trên đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ).

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 03 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 47/2021/QĐ-PT ngày 28 tháng 10 năm 2021; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Triệu Thị N, sinh năm 1949; cư trú tại: Thôn T (nay là khu 4), thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Hà Thị S, sinh năm 1973; cư trú tại: Khu 6 (nay là khu 4), thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 12-3-2021); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lương Thị Kim M, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Bà Đàm Thị K, sinh năm 1943; cư trú tại: Khu 6 (nay là khu 4), thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị Lăng Mỹ H, sinh năm

1965; cư trú tại: Khu 6 (nay là khu 4), thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 21-6-2021); vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Lương Thị Hương L, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Hà Thị S, sinh năm 1973; có mặt;
2. Anh Hoàng Minh P1, sinh năm 1980; có mặt;
3. Anh Hoàng Minh P2, sinh năm 1983; có mặt;

Cùng cư trú tại: Thôn T (nay là khu 4), thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

4. Bà Lăng Mỹ H, sinh năm 1965; có mặt;
5. Chị Phạm Thị L, sinh năm 1976; có mặt;
6. Anh Lăng Thế H1, sinh năm 1968; vắng mặt;
7. Anh Lăng Thế H2, sinh năm 1973; vắng mặt;
8. Anh Lăng Thế C, sinh năm 2002; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Khu 6 (nay là khu 4), thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn;

9. Ủy ban nhân dân (UBND) huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện: Ông Hoàng Dương T, Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V, tỉnh Lạng Sơn (đại diện theo văn bản ủy quyền số 525/UQ-UBND ngày 26-02-2021); vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bà Triệu Thị N là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Triệu Thị N và bà Đàm Thị K tranh chấp với nhau 926m² đất, thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 33, Bản đồ địa chính thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Khu IV, thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (gọi tắt là thửa đất số 04); đã được UBND huyện V cấp GCNQSDĐ mang tên hộ bà Đàm Thị K; trong đó có 100m² đất thổ cư và 826m² đất vườn. Trên đất có công trình vật kiến trúc gồm: 01 nhà chính diện tích 63m², 01 nhà bếp diện tích 17,4m² xây dựng năm 1975; 01 nhà tạm diện tích 21,5m² xây dựng năm 2004; 01 nhà tạm diện tích 47,73m² và 01 nhà bếp xây năm 2005; ngoài ra còn có chuồng lợn, nhà vệ sinh, bể nước cùng một số cây trồng trên đất gồm 02 cây xoài, 01 cây mít, 03 cây na, 13 cây mắc mật, 22 cây sưa, 05 cây nhãn, 01 cây cam, 02 cây bưởi, 47 cây chuối, 01 cây ổi; được thể hiện tại Sơ đồ hiện trạng thửa đất tranh chấp do Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn đo vẽ ngày 10-6-

2021. Theo Hội đồng định giá xác định, trị giá quyền sử dụng đất đối với đất thổ cư là 1.000.000 đồng/m², đối với đất vườn là 500.000 đồng/m²; trị giá công trình vật kiến trúc và tài sản trên đất là 84.654.000 đồng.

Nguyên đơn bà Triệu Thị N và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Năm 1948, bố mẹ chồng bà là cụ Hoàng Văn P và cụ Hoàng Thị E mua với cụ Hứa Dấu L một thửa đất có diện tích 01 mẫu (3.600m²) với giá 400 (bốn trăm) đồng bạc Đông Dương; hai bên không viết giấy chuyển nhượng mà cụ Hứa Dấu L chỉ đưa giấy chuyển nhượng giữa cụ Hứa Dấu L với cụ Lương Viết C cho bố mẹ chồng bà giữ. Việc bố mẹ chồng bà nhận chuyển nhượng khu đất nói trên có nhiều người biết, cụ thể: Ông Lương Văn Đ, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị K, bà Hoàng Thị B, bà Lương Thị D, bà Trần Thị D. Sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình bà canh tác từ năm 1948 cho đến năm 1968 thì xảy ra chiến tranh chống Mỹ; gia đình bà đi sơ tán, Nhà nước lấy mảnh đất của gia đình bà cho Trạm Xuất nhập khẩu và Trạm giao thông vận tải làm trụ sở cơ quan. Năm 1994, Trạm giao thông vận tải chuyển đi nơi khác, gia đình bà yêu cầu gia đình bà Đàm Thị K trả lại đất và trồng cây trên đất thì bị gia đình bà Đàm Thị K nhỏ đi. Năm 1995, ông Hoàng Văn M (em trai chồng) và năm 1999 cụ Hoàng Thị E (mẹ chồng) có gửi đơn đến UBND thị trấn N, huyện V yêu cầu được quản lý sử dụng thửa đất của gia đình bà mà trước đây Nhà nước đã lấy để Trạm xuất nhập khẩu và Trạm giao thông vận tải làm trụ sở cơ quan nhưng đến nay không được nhận được văn bản giải quyết. Việc tranh chấp kéo dài từ năm 1994 đến nay; những hộ gia đình sử dụng đất của gia đình bà cũng đã thanh toán tiền cho bà nhưng riêng gia đình bà Đàm Thị K hứa trả tiền cho gia đình bà nhưng đến nay không trả. Vì vậy, bà Triệu Thị N khởi kiện yêu cầu bà Đàm Thị K phải tháo dỡ di dời toàn bộ tài sản trên đất đang tranh chấp để trả lại diện tích thửa đất số 04 cho gia đình bà, yêu cầu hủy GCNQSDĐ mà UBND huyện V đã cấp cho hộ bà Đàm Thị K đối với thửa đất số 04, tờ bản đồ số 33, Bản đồ địa chính thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Bị đơn bà Đàm Thị K và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Năm 1973, bà Đàm Thị K kết hôn với ông Lăng Thế C và về sinh sống tại khu tập thể Trạm giao thông vận tải huyện V, nơi ông Lăng Thế C đang công tác. Năm 1974 thì xảy ra hỏa hoạn cháy khu tập thể và nhà kho, nên năm 1975 gia đình bà dựng lại nhà mới trên nền nhà tập thể cũ; quá trình sinh sống gia đình bà khai phá thêm đất để trồng cây và hoa màu; năm 2003 được Nhà nước cấp GCNQSDĐ đối với 926m² đất thuộc thửa đất số 04 tờ bản đồ số 33, Bản đồ địa chính thị trấn N, huyện V. Toàn bộ tài sản trên đất đang tranh chấp là do gia đình bà tạo dựng; hiện nay trên đất vẫn còn tồn tại ngôi nhà chính và công trình phụ mà gia đình bà xây dựng từ năm 1975. Gia đình bà quản lý, sử dụng thửa đất 04 ổn định từ năm 1975 cho đến năm 2020 mới phát sinh tranh chấp. Vì vậy, bà Đàm Thị K không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn là các con của nguyên đơn gồm: Chị Hà Thị S, anh Hoàng Minh P1, anh Hoàng Minh P2 đều đồng ý với ý kiến, yêu cầu của bà Triệu Thị N.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn là các con, cháu của bà Đàm Thị K gồm: Chị Lăng Mỹ H, anh Lăng Thế H2, anh Lăng Thế C, chị Phạm Thị L, anh Lăng Thế H1 đều nhất trí với ý kiến, yêu cầu của bà Đàm Thị K.

Văn bản số 338/UBND-TNMT ngày 29/01/2021 của UBND huyện V, tỉnh Lạng Sơn có nội dung: Tại sổ mục kê thể hiện ông Lăng Thế C là người đứng tên chủ sử dụng đất đối với 926,0m² đất thuộc thửa đất số 04 tờ bản đồ số 33; Bản đồ địa chính thị trấn N, huyện V. Gia đình bà Đàm Thị K đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4, Điều 73, Điều 79 Luật Đất đai năm 1993 và Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục địa chính (nay là Bộ Tài nguyên và Môi trường) hướng dẫn đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Đàm Thị K đối với thửa đất nói trên đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại khoản 11 Điều 1 Luật Đất đai sửa đổi bổ sung năm 2001 và Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục địa chính.

Người làm chứng trình bày:

Bà Lương Thị D, bà Hoàng Thị K, ông Lương Văn Đ, bà Hoàng Thị B, bà Hoàng Thị N trình bày: Các ông, bà được ký vào tờ giấy đánh máy sẵn do một mình chị Hà Thị S (con dâu bà Triệu Thị N) mang đến, do không đọc nên không biết giấy viết nội dung gì; không biết nguồn gốc đất đang tranh chấp, chỉ thấy gia đình bà Đàm Thị K ở đó từ năm 1975.

Bà Phạm Thị H trình bày: Bà là chị dâu họ của bà Triệu Thị N và được nghe kể về nguồn gốc đất tranh chấp giữa bà Triệu Thị N và bà Đàm Thị K là do vợ chồng cụ Hoàng Văn P (vợ Hoàng Thị E) mua lại với ông Hứa Dấu L vào năm 1948. Năm 1969 bà về sinh sống tại khu 4, thị trấn N đến năm 1975 thì thấy gia đình bà Đàm Thị K xây nhà trên đất đang tranh chấp và ở từ đó đến nay.

Ông Hoàng Văn M trình bày: Ông là em trai chồng của bà Triệu Thị N, ông có được cùng mẹ là bà Hoàng Thị E đi đòi đất, có làm đơn gửi đến UBND thị trấn nhưng cán bộ nói đất Nhà nước đã lấy không đòi được, nên mới không đi đòi.

Người làm chứng bà Bé Thị X, bà Chu Thị D trình bày: Khi các bà đến công tác tại Trạm giao thông vận tải đã thấy gia đình bà Đàm Thị K ở đó. Khi các bà xây nhà (cạnh Trạm giao thông vận tải) thì bà Triệu Thị N đến bảo đã xây nhà trên đất của bà Triệu Thị N và yêu cầu các bà trả tiền đất, vì vậy mỗi bà đã đưa cho bà Triệu Thị N số tiền 2.000.000 đồng.

Ông Lộc Văn C trình bày: Ông với chồng bà Triệu Thị N là anh em con cô con bác. Khi còn nhỏ, ông đã thấy Trạm giao thông vận tải và xuất nhập khẩu ở trên khu đất đang tranh chấp. Thời kỳ làm Trưởng thôn C, ông được ký xác nhận vào đơn của bà Hoàng Thị E nhưng ông không biết bà Hoàng Thị E có nộp đơn đó lên UBND cấp trên hay không.

Ông Nguyễn Quốc B trình bày: Từ năm 1994 đến năm 1999, ông làm Chủ tịch UBND thị trấn N; trong thời gian đó có bà Hoàng Thị E và ông Hoàng Văn M đến nộp đơn đòi đất của Trạm giao thông vận tải, kèm theo đơn 01 bản chữ nho và bản dịch. UBND thị trấn trả lời không thuộc thẩm quyền giải quyết, nên hướng dẫn gia đình hoàn chỉnh hồ sơ gửi lên cấp trên nhưng bà Hoàng Thị E có nộp đơn lên cấp trên hay không thì ông không biết.

Với nội dung như trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 03-8-2021 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đã căn cứ vào khoản 1 Điều 247, Điều 255, Điều 256 và Điều 261 Bộ luật Dân sự; các Điều 100, 101, khoản 5 Điều 166, khoản 2 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, các Điều 228, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ, khoản 1, Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; quyết định:

1. Bác toàn yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị N.

2. Hộ gia đình bà Đàm Thị K được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 04, tờ bản đồ số 33 diện tích 926m² tại khu 4 thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; đã được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Đàm Thị K (*có trích đo khu đất kèm theo*).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn buộc bà Triệu Thị N chịu toàn bộ chi phí tố tụng; quyết định miễn án phí sơ thẩm cho bà Triệu Thị N và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, nguyên đơn bà Triệu Thị N có đơn kháng cáo, đơn kháng cáo bổ sung đối với toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 03-8-2021 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 03-8-2021 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng tỉnh Lạng Sơn .

Sau khi thụ lý phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã triệu tập người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đến Tòa để lấy lời khai. Tại biên bản lấy lời khai ngày 28-10-2021, chị Hà Thị S trình bày: Chị là người viết đơn kháng cáo trên cơ sở ý kiến của bà Triệu Thị N. Bà Triệu Thị N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng nguyên đơn được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp và yêu cầu bà Đàm Thị K tháo dỡ, di dời tài sản trên đất tranh chấp, do không hiểu biết nên chị đã viết trong đơn với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm.

Tòa án cấp phúc thẩm đã gửi văn bản yêu cầu UBND huyện V cung cấp bổ sung thông tin liên quan đến việc tranh chấp. Tại Công văn số 2839/UBND-TNMT ngày 29-10-2021 của UBND huyện V có nội dung: Thửa đất số 04, tờ bản đồ số 33, Bản đồ địa chính thị trấn N đo đạc năm 1998 tương ứng với tờ Bản đồ giải thửa số 03 đo đạc năm 1986. Tuy nhiên, trên Bản đồ giải thửa không

thể hiện thửa đất mà bà Đàm Thị K đang sử dụng và được cấp GCNQSDĐ vì Bản đồ giải thửa chỉ đo vẽ đối với đất nông nghiệp. Nguồn gốc thửa đất số 04 trước đây do Trạm Giao thông vận tải quản lý sử dụng một phần, một phần do gia đình bà Đàm Thị K khai phá. Quá trình quản lý sử dụng từ năm 1975 đến nay, gia đình bà Đàm Thị K đã nhiều lần xây dựng công trình trên đất đó. Kết quả xác minh tại UBND xã H, UBND thị trấn N và UBND huyện V không nhận được đơn, ý kiến phản ánh của gia đình bà Hoàng Thị E, bà Triệu Thị N về việc tranh chấp thửa đất số 04.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Triệu Thị N trình bày: Bà khởi kiện đối với 926m² đất thuộc thửa đất số 04 nhưng khi đi xem xét thẩm định tại chỗ, bà chỉ yêu cầu đo đối với 856,1m² đất như sơ họa kèm theo Bản án; trong đó có 6,86m² đất không thuộc diện tích thửa 04. Vì vậy, bà Triệu Thị N không yêu cầu đòi quyền quản lý sử dụng đối với 6,86m² đất không thuộc diện tích của thửa 04; đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết sao cho bà không bị thiệt thòi.

Chị Lăng Mỹ H trình bày: Bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sao cho hợp lý, hợp tình và nhất trí với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị N.

Sau khi được Hội đồng xét xử phân tích, nguyên đơn bà Triệu Thị N và người đại diện theo ủy quyền là chị Hà Thị S với người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là chị Lăng Mỹ H thống nhất thỏa thuận:

Gia đình bà Đàm Thị K được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp là 849,24m² đất thuộc một phần thửa đất số 04, tờ bản đồ số 33, Bản đồ địa chính thị trấn N; đã được UBND huyện V, tỉnh Lạng Sơn cấp GCNQSDĐ mang tên hộ bà Đàm Thị K và quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền diện tích đất nói trên. Bà Đàm Thị K có trách nhiệm thanh toán cho bà Triệu Thị N tổng số tiền là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng). Hai bên chấm dứt việc tranh chấp đối với thửa đất số 04. Bà Triệu Thị N chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quyết định của Bản án sơ thẩm đã tuyên và đề nghị được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa: Nhất trí với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và nội dung thỏa thuận nói trên.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận việc giải quyết vụ án. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 03-8-2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn; công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; hủy và đình chỉ giải quyết đối với diện tích đất không thuộc thửa 04 do bà Triệu Thị N đã rút yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt người tham gia tố tụng: Bị đơn vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có mặt; một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có lời khai và văn bản đề nghị xét xử vắng mặt; mặt khác, những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa không ai đề nghị hoãn phiên tòa. Vì vậy, việc vắng mặt của bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử phúc thẩm. Căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nói trên.

[2] Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ hiện trạng diện tích đất tranh chấp bổ sung của Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cùng lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xác định diện tích đất tranh chấp giữa bà Triệu Thị N và bà Đàm Thị K là 856,1m²; trong đó có 5,57m² đất thuộc một phần thửa đất số 02; 1,29m² thuộc một phần thửa đất số 81 và 849,24m² thuộc một phần thửa đất số 04; cùng tờ bản đồ số 33, Bản đồ địa chính thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; tọa lạc tại Khu IV, thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Triệu Thị N rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Bà Triệu Thị N rút yêu cầu đòi quyền quản lý sử dụng đối với 5,57m² đất thuộc một phần thửa đất số 02 và 1,29m² thuộc một phần thửa đất số 81; cùng tờ bản đồ số 33, Bản đồ địa chính thị trấn N, huyện V. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị N là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật và được người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cùng những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử hủy một phần Bản án sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết đối với diện tích đất mà bà Triệu Thị N đã rút yêu cầu, theo quy định tại Điều 5, điểm b khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, ngoài lời trình bày của mình, bà Triệu Thị N không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh về nguồn gốc đất tranh chấp và việc quản lý, sử dụng diện tích đất đang tranh chấp. Kết quả thu thập chứng cứ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V cho thấy ông Lãng Thế C (chồng bà Đàm Thị K) là người đứng tên chủ sử dụng đất đối với

926,0m² đất thuộc thửa đất số 04 tờ bản đồ số 33, Bản đồ địa chính thị trấn N. Mặt khác, các đương sự đều thừa nhận, diện tích đất tranh chấp trước đây do Trạm giao thông vận tải huyện V sử dụng làm trụ sở làm việc từ năm 1968 đến năm 1994. Quá trình quản lý sử dụng đất từ năm 1975 đến nay, gia đình bà Đàm Thị K đã nhiều lần cải tạo đất, xây dựng công trình trên đất nhưng gia đình bà Triệu Thị N không có ý kiến gì. Bên cạnh đó, UBND huyện V có văn bản khẳng định quá trình bà Đàm Thị K quản lý sử dụng thửa đất 04, không có đơn thư tranh chấp gửi đến UBND thị trấn N và cơ quan chức năng trên địa bàn huyện V. Do đó, không có căn cứ để xác định việc cấp GCNQSDĐ đối với thửa 04 cho hộ gia đình bà Đàm Thị K khi đang có tranh chấp. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị N là có căn cứ.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Triệu Thị N và người đại diện theo ủy quyền là chị Hà Thị S với người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là chị Lăng Mỹ H thống nhất thỏa thuận:

[6] Gia đình bà Đàm Thị K được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích 849,24m² đất thuộc một phần thửa đất số 04, tờ bản đồ số 33, Bản đồ địa chính thị trấn N; đã được UBND huyện V, tỉnh Lạng Sơn cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Đàm Thị K; gia đình bà Đàm Thị K được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên diện tích đất nói trên; bà Đàm Thị K có trách nhiệm thanh toán cho bà Triệu Thị N tổng số tiền là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng); hai bên chấm dứt việc tranh chấp đối với thửa đất số 04. Bà Triệu Thị N chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quyết định của Bản án sơ thẩm đã tuyên.

[7] Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không trái với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của đương sự khác. Căn cứ khoản 2 Điều 5 và Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Xác nhận các đương sự đã giao nhận đủ số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) theo nội dung đã thỏa thuận nói trên ngay tại phiên tòa.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nên người kháng cáo là bà Triệu Thị N phải chịu toàn bộ án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, do bà Triệu Thị N là người cao tuổi và có yêu cầu miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm cho bà Triệu Thị N theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 300, khoản 2 Điều 296, Điều 299, khoản 2 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 163, 164, 166, 169 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 2, Điều 24, Điều 36, Điều 73 của Luật Đất đai năm 1993; khoản 16 Điều 3, các Điều 26, 166, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 03 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn; cụ thể:

1. Hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 03/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Triệu Thị N về việc yêu cầu được quyền quản lý sử dụng đối với 5,57m² đất thuộc một phần thửa đất số 02 và 1,29m² đất thuộc một phần thửa đất số 81, cùng tờ bản đồ số 33, Bản đồ địa chính thị trấn N; địa chỉ: Khu IV thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Phần đất nói trên được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A-B-B2-H-A và hình vẽ nối các điểm B2-B1-C-B2.

(Kích thước các cạnh thể hiện tại phụ lục sơ đồ hiện trạng tranh chấp lập ngày 12-11-2021 kèm theo).

2. Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn bà Triệu Thị N và người đại diện theo ủy quyền là chị Hà Thị S với chị Lăng Mỹ H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Đàm Thị K; cụ thể như sau:

2.1 Hộ gia đình bà Đàm Thị K được quyền quản lý, sử dụng diện tích 849,24m² đất thuộc một phần thửa đất số 04, tờ bản đồ số 33, Bản đồ địa chính thị trấn N; địa chỉ: Khu IV thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; đã được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10-01-2003, số seri V121483, số vào sổ cấp GCN 00691 mang tên hộ bà Đàm Thị K;

Phần đất nói trên được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm B2-B1-C-C1-C2-C3-C4-C5-C6-D-D1-D2-D3-E-E1-E2-E3-E4-F-F1-F2-F3-F4-F5-F6-G-H-A-B2.

(Kích thước các cạnh thể hiện tại phụ lục sơ đồ hiện trạng tranh chấp lập ngày 12-11-2021 kèm theo).

2.2 Gia đình bà Đàm Thị K có quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên diện tích đất đã nêu tại mục 2.1.

2.3 Bà Đàm Thị K có trách nhiệm thanh toán cho bà Triệu Thị N tổng số tiền là 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng. Xác nhận các đương sự đã giao nhận đủ số tiền nói trên.

2.4 Các bên chấm dứt việc tranh chấp đối với thửa đất số 04 tờ bản đồ số 33, Bản đồ địa chính thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

2.5 Về chi phí tố tụng: Bà Triệu Thị N chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm là 10.640.000 đồng. Xác nhận bà Triệu Thị N đã nộp đủ và chi trả toàn bộ chi phí tố tụng.

3. Về án phí: Bà Triệu Thị N được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng KTNV& THA;
- TAND huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Văn Lãng, T.Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người TGTT khác;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Thùy

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện V, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện V, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- HCTP; P.KTNV&THA;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Minh Thùy